

Số: 138(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu : **KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ MỸ - MỸ XUÂN - GÒ DẦU**
Loại mẫu : Tiếng ồn
Mô tả mẫu : Mẫu đo trực tiếp tại hiện trường
Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Mã số mẫu : K1/01/02.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Khu vực đặt máy phát điện trạm Phân phối khí Gò Dầu (tọa độ: X= 42096 –Y= 1177828)

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Tiếng ồn
Đơn vị	dBA
Khu vực đặt máy phát điện trạm Phân phối khí Gò Dầu	71,3
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

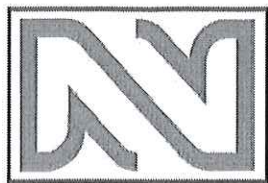


Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 138(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu : **KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ MỸ - MỸ XUÂN - GÒ DẦU**
Loại mẫu : **Chất lượng không khí**
Mô tả mẫu : **Mẫu còn nguyên vẹn và bảo quản ở nhiệt độ thường**
Ngày lấy mẫu : **02/06/2025**
Mã số mẫu : **K1/01/02.06.2025** Lần ban hành : **01**
Thông tin lấy mẫu : **Khu vực đặt máy phát điện trạm Phân phối khí Gò Dầu (tọa độ: X= 42096 -Y= 1177828)**

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	TCVN 5067:1995	0,015 mg/m ³
2	CO ^(a)	HD-TN-33*	3,2 mg/m ³
3	SO ₂ ^(a)	TCVN 5971:1995	0,010 mg/m ³
4	NO ₂ ^(a)	TCVN 6137:2009	0,013 mg/m ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Vị trí lấy mẫu	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂
Đơn vị	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
Khu vực đặt máy phát điện trạm Phân phối khí Gò Dầu	0,168	KPH	0,037	0,024
QCVN 02:2019/BYT(**)	6,25	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT(**)	-	15,63	3,91	3,91

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(**): Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

*HD-TN-33: Phương pháp nội bộ hướng dẫn phân tích CO tại phòng thí nghiệm

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

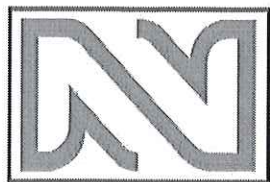


Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 138(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu : **KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ MỸ - MỸ XUÂN - GÒ DẦU**
Loại mẫu : **Chất lượng không khí**
Mô tả mẫu : **Thầu phụ lấy mẫu**
Ngày lấy mẫu : **02/06/2025**
Mã số mẫu : **K1/01/02.06.2025** Lần ban hành : **01**
Thông tin lấy mẫu : **Khu vực đặt máy phát điện trạm Phân phối khí Gò Dầu (tọa độ: X= 42096 –Y= 1177828)**

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện
1	Hydrocacbon ^(Δ) - n-Pentan - n-Hexan - n-heptan - n-octan - n-Nonan - n-Decan - n-Undecan - n-Dodecan - Cyclohexan - Cyclohexene - Metyl cyclohexan	US EPA TO-17	0,5 µg/Nm ³ 5,0 µg/Nm ³ 0,5 µg/Nm ³ 0,5 µg/Nm ³ 5,0 µg/Nm ³ 5,0 µg/Nm ³ 5,0 µg/Nm ³ 5,0 µg/Nm ³ 0,5 µg/Nm ³ 0,5 µg/Nm ³ 0,5 µg/Nm ³

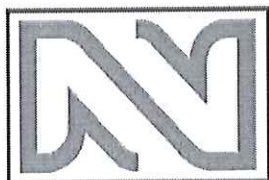
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
Hydrocarbon	µg/Nm ³	KPH	5.000
n-Pentan	µg/Nm ³	KPH	-
n-Hexan	µg/Nm ³	KPH	-
n-heptan	µg/Nm ³	KPH	-
n-octan	µg/Nm ³	KPH	-

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
n-Nonan	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH	-
n-Decan	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH	-
n-Undecan	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH	-
n-Dodecan	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH	-
Cyclohexan	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH	-
Cyclohexene	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH	-
Metyl cyclohexan	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH	-

Ghi chú:

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



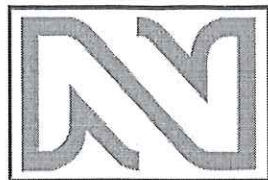
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 138(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu : **KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ MỸ - MỸ XUÂN - GÒ DẦU**
Loại mẫu : Nước sạch
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Mã số mẫu : NS1/01/02.06.2025
Thông tin lấy mẫu : Nước uống lấy từ vòi của máy lọc nước

Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 6-1: 2010/BYT	Phương pháp phân tích
1	Clo dư ^(b)	mg/L	0	5	SMEWW 4500-Cl:2017
2	Hàm lượng Nitrat ^(b)	mg/L	KPH	50	TCVN 6180:1996
3	Hàm lượng Nitrit ^(b)	mg/L	KPH	3	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
4	Bari ^(Δ)	μg/L	75,7	700	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023
5	Bromat ^(Δ)	μg/L	KPH	10	US EPA Method 300.1 (Part B)
6	Clorat ^(Δ)	μg/L	KPH	700	US EPA Method 300.1 (Part B)
7	Clorit ^(Δ)	μg/L	KPH	700	US EPA Method 300.1 (Part B)
8	Đồng ^(Δ)	mg/L	KPH	2	SMEWW 3030A&K SMEWW 3111B:2023
9	Mangan ^(b)	mg/L	KPH	0,4	TCVN 6002:1995
10	Stibi ^(Δ)	μg/L	KPH	20	SMEWW 3030A&K SMEWW 3114C:2023
11	Asen ^(Δ)	μg/L	KPH	10	SMEWW 3030A&K SMEWW 3114C:2023
12	Borat ^(Δ)	mg/L	KPH	0,5	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023
13	Cadimi ^(Δ)	μg/L	KPH	3	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023
14	Crom tổng ^(Δ)	μg/L	0,649	50	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023
15	Cyanid ^(b)	mg/L	KPH	0,07	TCVN 6181:1996
16	Chì ^(Δ)	μg/L	KPH	10	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 6-1: 2010/BYT	Phương pháp phân tích
17	Thủy ngân ^(A)	µg/L	KPH	6	SMEWW 3030A&K SMEWW 3112B:2023
18	Molybden ^(A)	mg/L	KPH	0,07	SMEWW 3125 B:2023
19	Nikel ^(A)	µg/L	KPH	70	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023
20	Selen ^(A)	µg/L	KPH	10	SMEWW 3030A&K SMEWW 3114C:2024
21	Florua ^(A)	mg/L	KPH	1,5	US EPA Method 300.1 (Part A)
22	Liên cầu phân ^(A)	CFU/250mL	KPH	Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)
23	Pseudomonas aeruginosa ^(A)	CFU/250mL	KPH		TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)
24	Bào tử vi khuẩn kỵ khí sinh H ₂ S ^(A)	CFU/50mL	KPH		TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)
25	E.Coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào	TCVN 6187-1:2019
26	Coliforms ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn - Vimcerts 330)

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

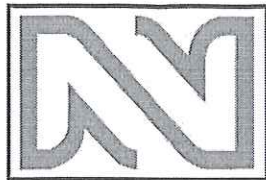
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE
- MÔI TRƯỜNG
NAM VIỆT
QUẬN 12 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 138(1)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu : **KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ MỸ - MỸ XUÂN - GÒ DẦU**
Loại mẫu : Nước sạch
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Mã số mẫu : NS1/01/02.06.2025
Thông tin lấy mẫu : Nước sinh hoạt

Lần ban hành : 01

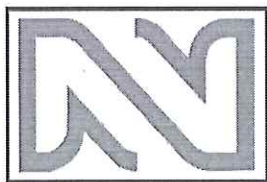
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH ^(b) (28,1°C)	-	6,98	2 ÷ 12	6,0 ÷ 8,5	TCVN 6492:2011
2	Hàm lượng Clo dư ^(b)	mg/L	0	0 ÷ 5	0,2 ÷ 1,0	SMEWW 4500-Cl:2017
3	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 ÷ 1000	2	SMEWW 2130B:2017
4	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 ÷ 500	15	HD-QT-19*
5	Mùi vị ^(A)	-	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2017 SMEWW 2160.B:2017
6	Hàm lượng Amoni ^(b)	mg/L	KPH	0,2	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2017
7	Chỉ số pecmanganat ^(b)	mg/L	KPH	1,5	2	TCVN 6186:1996
8	Hàm lượng Clorua ^(b)	mg/L	17,7	12	250	TCVN 6194:1996
9	Độ cứng tổng số ^(b)	mg/L	39,5	3,0	300	SMEWW 2340C:2017
10	Hàm lượng sắt tổng số ^(b)	mg/L	KPH	0,15	0,3	TCVN 6177:1996
11	Hàm lượng As ^(A)	µg/L	KPH	0,3	0,01	SMEWW 3030A&K SMEWW 3114C:2023
12	Hàm lượng Florua ^(A)	mg/L	0,124	0,02	1,5	US EPA Method 300.1 (Part A)

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
13	Coliform ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<3	TCVN 6187-1:2019
14	Escherichia coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

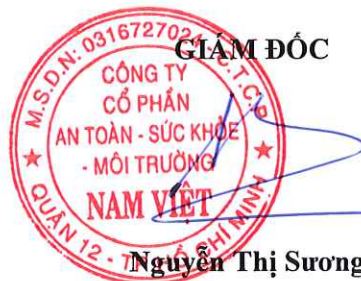
^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

*HD-QT-19: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo Độ màu

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.